Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2912.49.90

Mã HS	2912.49.90
Mô tả hàng hóa	Aldehyt, có hoặc không có chức oxy khác; polyme mạch vòng của aldehyt; paraformaldehyt / - Rượu-aldehyt, ete-aldehyt, phenol-aldehyt và aldehyt có chức oxy khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	08/11/2026 04:46:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29124990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4011
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4011
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4011
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3956
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3917
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3917
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3917
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3917
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3917
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3917
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3955
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3955

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3955
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3955
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3955
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3955
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3959
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3959
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3959
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3959
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3959
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3959
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3959
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3923
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3919
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3919
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3919
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3919
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3919
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3919
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3919
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3919
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3919
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3919
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3919
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3919
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3966
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3966

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3966
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3966
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3966
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3966
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3963
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3963
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3963
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3963
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3963
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3963
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3971
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3971
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3971
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3971
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3971
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3971
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3942
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3942
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3942
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3942
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3942
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3942
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3944
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3944
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3944
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3944

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3944
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3944
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3942
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3942
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3942
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3942
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3942
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3942
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3942
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3963
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3963
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3963
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3963
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3963
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3963
RCEP B	2022	2022	0	B!D3963
RCEP B	2023	2023	0	B!E3963
RCEP B	2024	2024	0	B!F3963
RCEP B	2025	2025	0	B!G3963
RCEP B	2026	2026	0	B!H3963
RCEP B	2027	2027	0	B!I3963
RCEP C	2022	2022	0	C!D3963
RCEP C	2023	2023	0	C!E3963
RCEP C	2024	2024	0	C!F3963
RCEP C	2025	2025	0	C!G3963
RCEP C	2026	2026	0	C!H3963

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3963
RCEP D	2022	2022	0	D!D3963
RCEP D	2023	2023	0	D!E3963
RCEP D	2024	2024	0	D!F3963
RCEP D	2025	2025	0	D!G3963
RCEP D	2026	2026	0	D!H3963
RCEP D	2027	2027	0	D!I3963
RCEP E	2022	2022	0	E!D3966
RCEP E	2023	2023	0	E!E3966
RCEP E	2024	2024	0	E!F3966
RCEP E	2025	2025	0	E!G3966
RCEP E	2026	2026	0	E!H3966
RCEP E	2027	2027	0	E!I3966
RCEP F	2022	2022	0	F!D3963
RCEP F	2023	2023	0	F!E3963
RCEP F	2024	2024	0	F!F3963
RCEP F	2025	2025	0	F!G3963
RCEP F	2026	2026	0	F!H3963
RCEP F	2027	2027	0	F!I3963
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3638
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3638
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3638
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3638

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2912.49 có 2 dòng thuế; dòng 2912.49.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	2912.49.10 Aldehyt - rượu khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2912.49.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2912.49.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4011), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.